

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 26 tháng 12 năm 2024) ⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đặng Thị Giang Ngày tháng năm sinh: 18/07/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Sao Mai
- Nơi thường trú: Tổ 2- Khu Hòa Bình- Mạo Khê- Đông Triều- Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 022175008302, ngày cấp 18/10/2024. Nơi cấp: Bộ Công An

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Xuân Hương Ngày tháng năm sinh: 12/08/1970
- Nghề nghiệp: Hưu trí
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty TNHH một thành viên than Mạo Khê
- Nơi thường trú: Khu Hòa Bình- Mạo Khê- Đông Triều- Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031068010887 ngày cấp 02/10/2022 nơi cấp: Công an Quảng Ninh

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: (Đã Mất)

- Họ và tên:
- Nơi thường trú:.....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:..... ngày cấp nơi cấp

3.2. Con thứ hai: Đã thành niên

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số nhà 058, Tổ 2 Hòa Bình, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh

- Diện tích⁽⁹⁾: 81,6 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 14.000.000đ (mua từ năm 1996)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan cấp là UBND thị xã Đông Triều cấp số: HO8899/UBND thị xã Đông Triều ngày 02 tháng 2/2007 cấp cho ông Vũ Xuân Hưởng và Bà Đặng Thị Giang
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Mẹ chồng mua cho năm 1996. Do chưa hiểu hết quy định về kê khai tài sản nên trước đây kê khai giá trị theo giá thị trường.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: khu Vĩnh Quang 1, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh
- Diện tích⁽⁹⁾: 170 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 250.000.000đ (mua năm 2017)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số CH17657 do UBND thị xã Đông Triều cấp ngày 28/03/2017 cho Ông là Vũ Xuân Hưởng và Bà Đặng Thị Giang

- Thông tin khác: Mua từ tiền tiết kiệm trong nhiều năm của gia đình.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số nhà 058 tổ 2 khu Hòa Bình- phường Mạo Khê- Đông Triều- Quảng Ninh

- Diện tích⁽⁹⁾: 120 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000 (xây từ năm 2006)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Xây trên thửa đất có giấy chứng nhận số số: HO8899/UBND thị xã Đông Triều ngày 02 tháng 2/2007 cấp cho ông Vũ Xuân Hưởng và Bà Đặng Thị Giang

- Thông tin khác (nếu có): Giá trị ước tính theo số tiền thực tế chi trả công thợ, vật tư, hiện không lưu giữ được hóa đơn, chứng từ.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:.....
- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá :.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:.....Số đăng ký:..... Giá trị:
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập từ ngày: 298.268.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 188.168.000đ
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 110.100.000đ
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không
- Tổng các khoản thu nhập chung: không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không	không	không
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	không	không	không
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở	không	không	không
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	không	không	không
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	không	không	không
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	không	không	không
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	không	không	không
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	không	không	không
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.	không	không	không
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		298.268000 đồng	Thu nhập từ lương, phụ cấp của hai vợ chồng

Mạo Khê, ngày 26 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



Trịnh Thị Thanh Mai
Trưởng BTTND

Mạo Khê, ngày 26 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Đặng Thị Giang